

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG: PHÂN TÍCH TIẾP CẬN CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU VÀ HÀM Ý CHO CẤP TIỂU HỌC

Đào Tân Lý

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang đặt ra những thách thức về sự xói mòn bản sắc văn hóa và suy giảm các giá trị đạo đức, các mô hình giáo dục quay về với cội nguồn đang ngày càng được chú trọng. Bài báo này phân tích về nội dung Giáo dục địa phương (GDĐP) trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của Việt Nam dưới lăng kính của Giáo dục nhân cách dựa trên trí tuệ địa phương (Local Wisdom Based Character Education - LWBCE), một cách tiếp cận nhằm bồi dưỡng phẩm chất đạo đức thông qua các giá trị văn hóa bản địa. Bằng phương pháp phân tích tài liệu định tính, bài viết lập luận rằng triết lý và mục tiêu của GDĐP Việt Nam vốn nhấn mạnh việc “bồi dưỡng tình yêu quê hương”, “bảo tồn giá trị văn hóa” và hình thành các phẩm chất cốt lõi, có sự tương đồng sâu sắc với LWBCE. Bài viết cũng thực hiện so sánh mở rộng với các triết lý sư phạm rộng hơn như Giáo dục dựa trên địa điểm (Place Based Education - PBE) và Học tập dựa trên cộng đồng (Community Based Learning - CBL) để làm rõ vị thế độc đáo của cách tiếp cận Việt Nam. Kết quả cho thấy, trong khi PBE/CBL tập trung vào việc sử dụng “nơi chốn” làm bối cảnh để phát triển kỹ năng liên môn, GDĐP Việt Nam lại tập trung vào việc dùng “trí tuệ địa phương” để hình thành nhân cách. Tuy nhiên, việc triển khai GDĐP trong thực tế tại Việt Nam còn gặp những thách thức lớn về phương pháp sư phạm, năng lực giáo viên và nguồn lực. Dựa trên những phân tích đó, bài báo đề xuất các hàm ý chính sách và giải pháp đa cấp nhằm nâng cao hiệu quả giúp GDĐP thực hiện trọn vẹn sứ mệnh cốt lõi của mình ở cấp tiểu học.

Từ khóa: Chương trình giáo dục phổ thông 2018; giáo dục địa phương; giáo dục dựa trên địa điểm; giáo dục nhân cách; giáo dục tiểu học; trí tuệ địa phương.

Nhận bài ngày 10.11.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 30.12.2025

Liên hệ tác giả: Đào Tân Lý; email: daotanly@hanoiedu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thế kỷ 21, với sự bùng nổ của toàn cầu hóa và công nghệ số, đang đặt ra một nghịch lý cho giáo dục trên toàn thế giới. Một mặt, thế hệ trẻ cần được trang bị năng lực toàn cầu để hội nhập. Mặt khác, những luồng ảnh hưởng văn hóa đa chiều và sự thay đổi nhanh chóng của xã hội đang dẫn đến nguy cơ xói mòn các giá trị đạo đức và bản sắc văn hóa cốt lõi (Rahmawati et al., 2023). Trước thực trạng này, một xu hướng giáo dục quan trọng đã nổi lên: quay về với cội nguồn, tìm kiếm sức mạnh từ chính những giá trị bản địa để xây dựng nền tảng nhân cách vững chắc cho thế hệ tương lai. Đây chính là tiền đề cho sự phát triển của các mô hình Giáo dục nhân cách dựa trên trí tuệ địa phương (Local-Wisdom-Based Character Education - LWBCE), một nỗ lực có chủ đích nhằm ngăn chặn sự suy thoái đạo đức bằng cách vun trồng các giá trị tốt đẹp vốn có trong văn hóa của mỗi cộng đồng (Badeni & Saporahayuningsih, 2024; Abdullah et al, 2022).

Hòa chung với xu thế đó, Việt Nam đã thực hiện một bước tiến mang tính đột phá trong công cuộc đổi mới giáo dục căn bản, toàn diện thông qua việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018. Một trong những điểm mới quan trọng và được kỳ vọng nhất của chương trình này là sự ra đời của nội dung Giáo dục địa phương (GDĐP) với tư cách là một nội dung học tập bắt buộc, được triển khai xuyên suốt từ lớp 1 đến lớp 12 (Nguyễn Minh, 2024). Trước năm 2018, mặc dù các quan điểm về "học đi đôi với hành" hay "lý luận gắn liền với thực tiễn" đã tồn tại từ lâu trong triết lý giáo dục Việt Nam (Trần Phương, 2018), việc đưa GDĐP trở thành một hợp phần chính thức, có hệ thống trong

chương trình giảng dạy quốc gia là một bước đi chưa từng có tiền lệ. Mục tiêu của GDĐP được xác định rõ là “bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương”, “bảo tồn các giá trị văn hóa” và phát triển các “phẩm chất” cốt lõi như yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; Đào Thái Lai, 2021). Chủ trương này thể hiện một tầm nhìn chiến lược: xây dựng một thể hệ công dân vừa có năng lực hội nhập quốc tế, vừa mang trong mình tình yêu, niềm tự hào và ý thức trách nhiệm sâu sắc với quê hương, xứ sở.

Khi phân tích sâu các mục tiêu và nội dung này, một nhận định quan trọng được đặt ra: bản chất của GDĐP tại Việt Nam dường như tương thích sâu sắc hơn với triết lý của LWBCE thay vì các khái niệm rộng hơn như Giáo dục dựa trên địa điểm (Place-Based Education - PBE) hay Học tập dựa trên cộng đồng (Community-Based Learning - CBL). Trong khi PBE/CBL là những phương pháp sư phạm sử dụng “nơi chốn” làm bối cảnh để dạy nhiều môn học khác nhau, thì GDĐP của Việt Nam lại tập trung rõ rệt vào việc dùng “trí tuệ địa phương” (lịch sử, văn hóa, truyền thống) để bồi dưỡng “nhân cách” (tình yêu quê hương, các phẩm chất đạo đức).

Tuy nhiên, dù có sự tương đồng về triết lý, việc triển khai GDĐP tại Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức, chẳng hạn những khó khăn trong việc phân công giáo viên, biên soạn tài liệu, và đặc biệt là áp dụng các phương pháp sư phạm có khả năng thực sự hình thành nhân cách thay vì chỉ truyền thụ kiến thức (Anh Tú, 2025; Nguyễn Văn Lực, 2022). Các nghiên cứu bước đầu tại Việt Nam đã bắt đầu ghi nhận và phân tích những khó khăn này nhưng vẫn còn thiếu một công trình phân tích so sánh toàn diện, có hệ thống giữa mô hình GDĐP của Việt Nam với các cách tiếp cận đã được chứng minh hiệu quả trên thế giới. Việc lấp đầy khoảng trống nghiên cứu này là vô cùng cần thiết, đặc biệt ở cấp tiểu học, giai đoạn nền tảng hình thành nhân cách và thế giới quan của trẻ, để có thể rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu và đề xuất các hàm ý chính sách khả thi.

Bài báo này được thực hiện nhằm mục đích: (1) Phân tích và làm rõ nội dung GDĐP của Việt Nam như một mô hình Giáo dục nhân cách dựa trên trí tuệ địa phương (LWBCE); (2) Đối chiếu cách tiếp cận của Việt Nam với các mô hình LWBCE, PBE và CBL trên thế giới để nhận diện những điểm mạnh, điểm yếu và các thách thức trong triển khai; và (3) Trên cơ sở đó, đề xuất các hàm ý chính sách và giải pháp khả thi nhằm giúp GDĐP phát huy tối đa tiềm năng cốt lõi của mình trong việc hình thành nhân cách cho học sinh tiểu học.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận về giáo dục địa phương

Giáo dục nhân cách dựa trên trí tuệ địa phương (Local Wisdom Based Character Education – LWBCE)

Giáo dục nhân cách dựa trên trí tuệ địa phương (LWBCE) là một mô hình giáo dục được thiết kế có chủ đích nhằm cải thiện và hình thành nhân cách của học sinh thông qua việc tích hợp các giá trị từ văn hóa bản địa. Đây được xem là một giải pháp chiến lược để đối phó với những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa, vốn có nguy cơ làm phai nhạt bản sắc văn hóa và các giá trị đạo đức truyền thống. LWBCE sử dụng các giá trị, tín ngưỡng và phong tục tập quán truyền thống của một cộng đồng như một “kho tàng” phong phú để phát triển nhân cách cho học sinh (Sugiyono, Purwastuti, 2017; Rasna, Tantra, 2017). Mục tiêu của LWBCE là giúp học sinh nhận thức và bảo tồn văn hóa của mình trong bối cảnh toàn cầu hóa, từ đó chống lại những tác động tiêu cực như suy thoái đạo đức, thiếu tôn trọng và sự gia tăng các hành vi lệch lạc xã hội (Sugiyono, Purwastuti, 2017; Rasna, Tantra, 2017; Khodijah & Surawan, 2025). Trí tuệ địa phương trong mô hình này đóng vai trò như một bộ lọc, giúp học sinh giữ vững bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập.

Khái niệm “Trí tuệ địa phương” (Local Wisdom) là một thuật ngữ bao hàm toàn bộ kho tàng kiến thức, niềm tin, giá trị, chuẩn mực, phong tục và nghệ thuật được một cộng đồng sáng tạo, duy trì và xem như kim chỉ nam cho cuộc sống (Jundiani, 2018; Naryatmojo, 2019). Nó là những giá trị tốt đẹp, được chắt lọc qua nhiều thế hệ, giúp cộng đồng duy trì sự hài hòa xã hội và cân bằng với môi trường. Indonesia là một ví dụ điển hình về việc triển khai LWBCE, nơi hệ thống giáo dục đã và đang tích hợp các giá trị văn hóa địa phương vào chương trình học (Rasna, Tantra, 2017; Sugiyono, Purwastuti, 2017). Các nghiên cứu đã chỉ ra việc dạy học về tinh thần hợp tác (*gotong royong*) hoặc sử dụng các giá trị văn hóa từ Bali như triết lý sống hòa hợp “*Tri Hita Karana*” trong các môn học có thể giúp học sinh xây dựng các phẩm chất đạo đức cụ thể (Rasna, Tantra, 2017). Mô hình này cho rằng việc học không chỉ là tiếp thu kiến thức mà là một quá trình truyền lại và nội hóa các giá trị đạo đức từ thế hệ này sang thế hệ khác (Sugiyono, Purwastuti, 2017; Rasna, Tantra, 2017). Điều này có ý nghĩa sâu sắc hơn việc chỉ đơn

thuần kể chuyện lịch sử hay văn hóa, mà là biến các giá trị đó thành một phần của bản thân học sinh, hình thành nhân cách vững vàng

Mục tiêu cốt lõi của LWBCE không phải là truyền thụ kiến thức học thuật, mà là hình thành nhân cách. Nó hướng tới việc giúp học sinh phát triển các phẩm chất tốt đẹp như trung thực, trách nhiệm, kỷ luật, lòng khoan dung, sự tôn trọng và tinh thần hợp tác (Badeni, 2023). LWBCE hoạt động dựa trên nguyên tắc rằng nhân cách được hình thành hiệu quả nhất khi các giá trị đạo đức được lồng ghép một cách tự nhiên vào môi trường sống và văn hóa của học sinh, thay vì chỉ là những bài học lý thuyết suông.

Giáo dục dựa trên địa điểm (Place-Based Education - PBE) và Học tập dựa vào cộng đồng (Community-Based Learning - CBL)

Bên cạnh LWBCE, thế giới còn có các triết lý sư phạm rộng hơn cũng lấy yếu tố địa phương làm trung tâm, tiêu biểu là Giáo dục dựa trên địa điểm (PBE) và Học tập dựa trên cộng đồng (CBL).

Giáo dục dựa trên địa điểm (PBE) là một triết lý giáo dục rộng lớn, coi cộng đồng địa phương - bao gồm lịch sử, môi trường, văn hóa, kinh tế, nghệ thuật - là một trong những nguồn tài nguyên chính cho việc học tập (Smith & Sobel, 2010). Mục tiêu chính của PBE là làm cho việc học trở nên hấp dẫn, thực tế, qua đó nâng cao thành tích học tập, phát triển các kỹ năng thế kỷ 21 và nuôi dưỡng “ý thức về nơi chốn” (sense of place) (Ardoin, 2006).

Học tập dựa vào cộng đồng (CBL) là một phương pháp cụ thể hơn, tích hợp việc giảng dạy trên lớp với sự tham gia có ý nghĩa vào các hoạt động cộng đồng, nhằm thúc đẩy học tập trải nghiệm và trách nhiệm xã hội (Nchaga, 2025). CBL nhấn mạnh việc học sinh áp dụng kiến thức học thuật để giải quyết các vấn đề thực tế của cộng đồng, qua đó thực hành quyền công dân.

Điểm khác biệt cốt lõi là trong khi PBE và CBL sử dụng “địa phương” như một phòng thí nghiệm để học tập đa ngành và phát triển kỹ năng và đều dựa trên nền tảng của Học tập trải nghiệm (Experiential Learning), một phương pháp nhấn mạnh việc học thông qua hành động và phản tư (Smith & Sobel, 2010), thì LWBCE lại khai thác “trí tuệ địa phương” như một nguồn giá trị để bồi dưỡng nhân cách. PBE/CBL trả lời câu hỏi “Học ở đâu và như thế nào?”, còn LWBCE trả lời câu hỏi “Học cái gì để trở thành người như thế nào?”.

Giáo dục địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 tại Việt Nam

GDĐP trong Chương trình GDPT 2018 là một câu phân độc đáo, phản ánh bối cảnh và mục tiêu giáo dục đặc thù của Việt Nam. Khác với tính linh hoạt của các mô hình trên thế giới, GDĐP tại Việt Nam được quy định là một nội dung học tập bắt buộc trong Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, với thời lượng cố định 35 tiết/năm học ở tất cả các cấp (Bộ GD&ĐT, 2018). Ở cấp tiểu học, nội dung này không được tổ chức thành một môn học riêng mà được tích hợp vào môn Hoạt động trải nghiệm và các môn học khác có liên quan.

Khi đối chiếu với các mô hình đã trình bày, GDĐP trong Chương trình GDPT 2018 của Việt Nam thể hiện rõ nét đặc trưng của một mô hình LWBCE. Về mục tiêu, GDĐP không chỉ dừng lại ở việc cung cấp kiến thức, mà tập trung sâu sắc vào việc “bồi dưỡng tình yêu quê hương”, “giáo dục ý thức trách nhiệm”, “bảo tồn giá trị văn hóa” và hình thành các phẩm chất cốt lõi như “yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; Đào Thái Lai, 2021).² Đây chính là những mục tiêu nền tảng của giáo dục nhân cách. Về nội dung, GDĐP xoay quanh các chủ đề về văn hóa, lịch sử, truyền thống, lễ hội, làng nghề, di tích... của địa phương chính là kho tàng “trí tuệ địa phương” mà mô hình LWBCE trên thế giới sử dụng làm nguồn tư liệu để giáo dục giá trị cho học sinh. Việc đưa GDĐP thành một nội dung bắt buộc thể hiện một chủ trương rõ ràng của nhà nước nhằm củng cố bản sắc dân tộc và xây dựng nền tảng đạo đức cho thế hệ trẻ, một động lực tương tự như sự ra đời của các chương trình LWBCE ở các quốc gia khác nhằm đối phó với các thách thức của toàn cầu hóa. Do đó, việc phân tích GDĐP của Việt Nam như một mô hình LWBCE sẽ giúp chúng ta nhìn nhận đúng bản chất và mục tiêu cốt lõi của chương trình, từ đó có những đánh giá và đề xuất phù hợp hơn.

2.2. Phương pháp

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu đã đề ra, bài viết này sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, trong đó phương pháp chủ đạo là phân tích tài liệu (document analysis) (Bowen, 2009) và phân tích so sánh (comparative analysis) (Rihoux & Ragin, 2008). Nguồn dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu là các tài liệu thứ cấp, được thu thập và tổng hợp từ nhiều nguồn đa dạng nhằm đảm bảo tính toàn diện và đa chiều của phân tích. Các nhóm tài liệu chính bao gồm:

- ✓ Các văn bản pháp quy và hướng dẫn của nhà nước: Bao gồm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình GDPT, các công văn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai nội dung GDĐP ở cấp tiểu học, cung cấp cơ sở pháp lý và định hướng chính sách chính thức.
- ✓ Tài liệu GDĐP của các địa phương: Các bộ tài liệu giảng dạy và học tập do một số tỉnh thành biên soạn (như Lào Cai, Điện Biên, Bắc Giang) được tham khảo để hiểu rõ cấu trúc nội dung và cách tiếp cận cụ thể tại địa phương.
- ✓ Các công trình nghiên cứu khoa học: Bao gồm các bài báo trên tạp chí khoa học, sách chuyên khảo, báo cáo nghiên cứu trong và ngoài nước về các chủ đề LWBCE, PBE, CBL, và GDĐP. Các nguồn này cung cấp nền tảng lý thuyết vững chắc và các bằng chứng thực nghiệm về hiệu quả của các mô hình.
- ✓ Các bài báo và báo cáo từ truyền thông: Các bài viết trên các báo, tạp chí giáo dục uy tín của Việt Nam phản ánh thực trạng triển khai, những khó khăn, thách thức và các điển hình tốt trong việc dạy và học GDĐP trên cả nước. Đây là nguồn dữ liệu quan trọng giúp kết nối giữa lý thuyết, chính sách và thực tiễn sống động.

Quá trình phân tích được tiến hành theo các bước sau: Đầu tiên, tất cả các tài liệu được hệ thống hóa và mã hóa theo các tiêu chí so sánh. Tiếp theo, tác giả tiến hành đối chiếu, so sánh thông tin giữa mô hình GDĐP của Việt Nam và các mô hình LWBCE, PBE, CBL quốc tế theo từng tiêu chí để xác định các điểm tương đồng và khác biệt. Cuối cùng, các kết quả so sánh được diễn giải, phân tích sâu để làm rõ nguyên nhân của những khác biệt và rút ra các bài học kinh nghiệm cùng hàm ý chính sách phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

2.3. Kết quả

Phân tích so sánh GDĐP của Việt Nam với các mô hình quốc tế cho thấy một bức tranh phức hợp, trong đó cách tiếp cận của Việt Nam có “linh hồn” của LWBCE nhưng lại thiếu đi “thê xác” của các phương pháp PBE/CBL hiệu quả.

Bảng 1. So sánh GDĐP Việt Nam và các mô hình quốc tế

Tiêu chí so sánh	LWBCE	PBE/CBL	GDĐP Việt Nam
Triết lý và mục tiêu cốt lõi	Hình thành nhân cách, đạo đức thông qua các giá trị văn hóa bản địa	Nâng cao thành tích học tập, kỹ năng thế kỷ 21 và trách nhiệm công dân thông qua việc học tập trong bối cảnh thực tế	Bồi dưỡng tình yêu quê hương, bảo tồn giá trị văn hóa, hình thành phẩm chất, nhân cách
Vị trí trong chương trình	Thường là một trụ cột giáo dục, tích hợp vào mọi hoạt động	Thường là một triết lý sư phạm, một phương pháp tiếp cận linh hoạt	Là nội dung/môn học bắt buộc, có thời lượng cố định
Nguồn nội dung	“Trí tuệ địa phương”: giá trị, truyền thuyết, phong tục	“Nơi chốn/Cộng đồng”: lịch sử, sinh thái, kinh tế, các vấn đề xã hội	Các vấn đề về văn hóa, lịch sử, địa lý, kinh tế, môi trường của địa phương
Phương pháp sư phạm	Nhấn mạnh làm gương, kể chuyện, thực hành giá trị	Nhấn mạnh học tập qua dự án (PBL), học tập qua truy vấn, học tập trải nghiệm	Khuyến khích đa dạng nhưng thực tế còn nặng về lý thuyết do nhiều rào cản
Vai trò của cộng đồng	Các thành viên cộng đồng là “người mang tri thức”, nguồn sống để truyền dạy giá trị	Các tổ chức, chuyên gia là đối tác để thực hiện các dự án học tập	Khuyến khích phối hợp nhưng cơ chế còn lỏng lẻo, chưa hệ thống

Điểm tương đồng rõ nhất giữa GDĐP của Việt Nam và các mô hình trên thế giới là đều nhìn nhận tầm quan trọng của việc kết nối giáo dục với bối cảnh sống của học sinh, nhằm mục đích bồi dưỡng tình cảm và trách nhiệm với cộng đồng. Tuy nhiên, sự khác biệt về triết lý nền tảng là rất lớn và mang tính quyết định. GDĐP của Việt Nam, với việc được quy định là một “nội dung bắt buộc”, mang triết lý của một môn học. Mục tiêu của nó tập trung mạnh mẽ vào việc “bồi dưỡng tình yêu quê hương”, “bảo tồn giá trị văn hóa”, và “phát huy bản sắc dân tộc”. Những mục tiêu này mang màu sắc tư tưởng và giáo dục đạo đức rõ nét, hướng tới việc hình thành ở học sinh một hệ giá trị gắn liền với quốc gia và địa phương. Việc đưa mục tiêu “hướng nghiệp” vào ngay từ cấp tiểu học cũng là một đặc điểm riêng của Việt Nam,

thể hiện mong muốn gắn giáo dục với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương từ sớm. Ngược lại, LWBCE/PBE/CBL được định vị như một "triết lý sư phạm" hay "phương pháp tiếp cận". Mục tiêu của chúng không chỉ dừng lại ở việc bồi dưỡng tình cảm, mà tập trung hơn vào việc phát triển các năng lực và hành động. PBE/CBL nhấn mạnh việc trang bị cho học sinh các kỹ năng có thể chuyển đổi của thế kỷ 21 như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác thông qua việc tham gia vào các dự án thực tế (Smith & Sobel, 2010). Mục tiêu "trách nhiệm công dân" trong PBE/CBL không chỉ là một ý thức hay tình cảm, mà là sự tham gia tích cực để tạo ra sự thay đổi trong cộng đồng (civic engagement), chẳng hạn như các dự án vận động chính sách, bảo vệ môi trường, hay hỗ trợ các nhóm yếu thế (Gruenewald, 2003; Smith & Sobel, 2010). Đây là điểm khác biệt căn bản nhất khi GDĐP Việt Nam được cấu trúc như một "môn học" bắt buộc. Việc định vị GDĐP là một môn học đã dẫn đến những hệ quả quan trọng là nó có một vị trí chính thức trong chương trình, nhưng cũng có nguy cơ bị cô lập, trở thành một môn học "rời rạc" thay vì là một lăng kính để học các môn khác một cách sinh động và ý nghĩa hơn.

Nội dung của GDĐP Việt Nam tương tự như các nội dung của LWBCE và rất giàu tiềm năng để triển khai theo các phương pháp của PBE/CBL như học tập qua dự án (PBL), học tập trải nghiệm. Tuy nhiên, trên thực tế, việc triển khai lại thường sa vào lối mòn của việc dạy học lý thuyết trong lớp. Tình trạng "học chay", thiếu các hoạt động trải nghiệm thực tế do hạn chế về kinh phí và năng lực tổ chức của giáo viên, đã làm mất đi cơ hội để học sinh có thể "sống" cùng các giá trị thay vì chỉ "biết" về chúng. Điều này tạo ra một sự vênh pha lớn khi một nội dung mang đặc trưng của LWBCE/PBE/CBL lại được dạy bằng phương pháp truyền thống, làm giảm hiệu quả của cả việc hình thành nhân cách (mục tiêu của LWBCE) và phát triển kỹ năng (mục tiêu của PBE/CBL).

Một hệ sinh thái giáo dục địa phương hiệu quả đòi hỏi sự tham gia của nhiều bên và các điều kiện hỗ trợ đầy đủ. Ở khía cạnh này, PBE/CBL thể hiện một mô hình kết nối cộng đồng sâu rộng hơn. Các trường học theo định hướng PBE/CBL thường xây dựng một mạng lưới đối tác đa dạng, bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức phi lợi nhuận, viện bảo tàng, nghệ nhân, chuyên gia địa phương, và chính quyền (Gruenewald, 2003; Smith & Sobel, 2010). Các đối tác này không chỉ là khách mời mà còn tham gia sâu vào quá trình thiết kế và hướng dẫn các dự án học tập, cung cấp nguồn lực, chuyên môn và bối cảnh học tập thực tế. Tại Việt Nam, sự tham gia của các lực lượng xã hội cũng được đề cao, nhưng chủ yếu vẫn tập trung vào các đối tác truyền thống như các đoàn thể trong trường (Đoàn, Đội), cha mẹ học sinh, và một số lực lượng giáo dục ngoài nhà trường. Mỗi liên kết với các doanh nghiệp, chuyên gia, và các tổ chức xã hội dân sự còn khá lỏng lẻo và chưa có một cơ chế chính thức, bền vững để huy động họ tham gia một cách có hệ thống.

2.4. Thảo luận

Những thách thức trong việc thực hiện giáo dục địa phương

Thứ nhất, đó là tư duy "dạy môn học" lẫn át "giáo dục nhân cách" trong việc triển khai nội dung GDĐP hiện nay. Khi GDĐP được coi là một môn học như các môn khác, mục tiêu của nhà trường và giáo viên dễ bị lệch sang việc hoàn thành nội dung chương trình và kiểm tra kiến thức, thay vì tập trung vào quá trình bồi dưỡng, vun đắp tình cảm và phẩm chất một cách lâu dài. Điều này lý giải tại sao các trường loay hoay tìm "giáo viên chuyên trách" thay vì bồi dưỡng cho mọi giáo viên năng lực giáo dục nhân cách thông qua môn học của mình.

Thiếu hụt về năng lực và phương pháp sư phạm cũng là một trong những thách thức của việc triển khai nội dung GDĐP. Giáo viên được đào tạo chủ yếu để dạy kiến thức, nhưng lại thiếu các kỹ năng chuyên biệt cho giáo dục giá trị và tổ chức các dự án học tập trải nghiệm. Việc phải kiêm nhiệm dạy một nội dung đòi hỏi phương pháp sư phạm mới mẻ khiến nhiều giáo viên cảm thấy quá tải và lúng túng.

Thứ ba, rào cản về nguồn lực thực hiện như tài chính, cơ sở vật chất... cũng là những thách thức rất lớn đối với việc thực hiện hiệu quả GDĐP. Bản chất của GDĐP là học tập thông qua trải nghiệm thực tế. Các hoạt động như tham quan di tích lịch sử, làng nghề, phòng vấn nghệ nhân, hay thực hiện các dự án khảo sát cộng đồng là không thể thiếu để bài học trở nên sống động và ý nghĩa. Tuy nhiên, đây lại là một thách thức không lồ, đặc biệt với các trường ở vùng nông thôn, miền núi, và các khu vực khó khăn. Điều này dẫn đến một nghịch lý: học sinh học về địa phương mình nhưng lại không được trực tiếp khám phá chính địa phương đó. Việc "học chay" làm mất đi linh hồn của GDĐP, biến nó thành một môn học lý thuyết thuần túy và không đạt được mục tiêu đề ra.

Cuối cùng, cơ chế phối hợp với cộng đồng còn yếu và mang tính hình thức. Mặc dù chương trình nhấn mạnh sự phối hợp với các lực lượng ngoài nhà trường, nhưng trên thực tế, mỗi liên kết này còn rất

lông lẻo. Các nhà trường chưa có một cơ chế chính thức, một quy trình bài bản và bền vững để huy động sự tham gia của các chuyên gia, nghệ nhân, doanh nhân, hay các nhà khoa học tại địa phương vào quá trình giáo dục. Sự hợp tác, nếu có, thường mang tính tự phát, phụ thuộc vào mối quan-hệ cá nhân của hiệu trưởng hoặc giáo viên, chứ chưa trở thành một chiến lược có hệ thống của nhà trường.

Bài học kinh nghiệm quốc tế

Việc nhìn nhận GDĐP trong một phổ rộng hơn từ LWBCE đến PBE/CBL sẽ mở ra những bài học kinh nghiệm cho việc triển khai trong thực tiễn, bao gồm:

Thứ nhất, bài học từ các mô hình quốc tế chỉ ra hướng đi rõ ràng rằng chìa khóa thành công nằm ở việc áp dụng các phương pháp sư phạm của PBE/CBL (như học tập qua dự án, học tập trải nghiệm) để hiện thực hóa các mục tiêu nhân cách của LWBCE. Thay vì cô lập GDĐP, cần tìm cách đưa các giá trị và trí tuệ địa phương vào mọi ngóc ngách của đời sống học đường thông qua các dự án học tập liên môn. Một bài toán có thể sử dụng bối cảnh một phiên chợ quê. Một giờ học Lịch sử có thể mời một cựu chiến binh đến kể chuyện. Một hoạt động ngoại khóa có thể là dự án làm sạch một di tích trong làng.

Thứ hai, Việt Nam đã có sẵn những nền tảng quý giá từ các phương pháp dạy học tích cực như Học tập qua dự án (PBL) đã và đang được nhiều trường áp dụng thành công. Các dự án này là phương tiện lý tưởng để lồng ghép các mục tiêu giáo dục nhân cách. Hơn nữa, các mô hình phát triển chuyên môn cho giáo viên như "Cộng đồng học tập chuyên môn" (PLC) do các tổ chức như VVOB hỗ trợ là một cơ chế tuyệt vời để giúp các giáo viên cùng nhau học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực triển khai các phương pháp giáo dục hiện đại một cách bền vững. Các dự án cộng đồng do một số trường tự thực hiện cũng cho thấy tiềm năng to lớn của việc huy động xã hội hóa để giải quyết các vấn đề thực tiễn, qua đó giáo dục trách nhiệm công dân cho học sinh.

3. KẾT LUẬN

Nội dung Giáo dục địa phương trong Chương trình GDPT 2018 của Việt Nam, về bản chất và mục tiêu, là một mô hình Giáo dục nhân cách dựa trên trí tuệ địa phương (LWBCE). Đây là một chủ trương chiến lược, đúng đắn và nhân văn. Tuy nhiên, quá trình triển khai đang đối mặt với một mâu thuẫn cơ bản: một chương trình mang "linh hồn" của giáo dục nhân cách lại đang được thực thi theo "thể xác" của một môn học kiến thức truyền thống. Để GDĐP thực sự đạt được mục tiêu cốt lõi của mình, một sự chuyển dịch căn bản trong tư duy và hành động là cấp thiết. Hệ thống giáo dục cần dịch chuyển từ việc dạy về các giá trị địa phương sang việc tạo môi trường để học sinh được sống, cảm nhận và thực hành các giá trị đó. Điều này đòi hỏi phải áp dụng một cách mạnh mẽ và có hệ thống các phương pháp sư phạm của PBE và CBL để làm phương tiện hiện thực hóa các mục tiêu của LWBCE.

Dựa trên phân tích trên, bài viết đề xuất một hệ thống các khuyến nghị đa cấp, tập trung vào việc củng cố khía cạnh giáo dục nhân cách của GDĐP ở cấp tiểu học, bao gồm:

Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Cần định vị lại vai trò của GDĐP, ban hành các văn bản hướng dẫn chiến lược, trong đó nhấn mạnh GDĐP không chỉ là một nội dung/môn học riêng lẻ mà còn là một phương pháp tiếp cận, một trụ cột của giáo dục nhân cách. Khuyến khích tích hợp các giá trị và trí tuệ địa phương vào tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, thay vì chỉ giới hạn trong 35 tiết học.

Phát triển một bộ tiêu chuẩn cụ thể về các kỹ năng cần thiết để giáo dục nhân cách hiệu quả (kỹ năng kể chuyện, thiết kế trải nghiệm, tổ chức dự án cộng đồng, làm gương...). Khung năng lực này sẽ là cơ sở để các trường sư phạm đổi mới chương trình đào tạo và các Sở GD&ĐT xây dựng chương trình bồi dưỡng.

Khuyến khích các địa phương xây dựng kho tàng trí tuệ địa phương số (bao gồm các câu chuyện, bài hát, video về lễ hội, phỏng vấn nghệ nhân...) thay vì chỉ tập trung biên soạn sách giáo khoa. Nên xem xét coi tài liệu cấp tính là nguồn tham khảo chính, cho phép giáo viên và nhà trường sáng tạo, bổ sung và phát triển học liệu riêng.

Đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo

Chuyên trọng tâm từ tập huấn về nội dung sang bồi dưỡng về phương pháp giáo dục của PBE/CBL. Tổ chức các workshop thực hành, dài hạn về học tập qua dự án, học tập trải nghiệm, và các phương pháp giáo dục giá trị.

Xây dựng một cơ sở dữ liệu và cơ chế chính thức để kết nối các nhà trường với các nghệ nhân, người cao tuổi, nhà nghiên cứu văn hóa, doanh nhân tại địa phương, tạo điều kiện để họ trở thành những "giáo viên khách mời" và cố vấn quý giá cho các dự án học tập.

Đối với CBQL các trường tiểu học

Xây dựng văn hóa LWBCE trong toàn trường, thay vì chỉ phân công cho một vài giáo viên, Ban Giám hiệu cần thúc đẩy một văn hóa mà ở đó, mọi giáo viên đều ý thức được vai trò của mình trong việc giáo dục nhân cách thông qua trí tuệ địa phương; đồng thời lồng ghép các giá trị này vào nội quy, các sự kiện và hoạt động chung của trường.

Trong khả năng cho phép của nhà trường, cần có sự ưu tiên phân bổ kinh phí và vận động xã hội hóa để tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế cho GDĐP, bởi đây là con đường hiệu quả nhất để hình thành nhân cách và tình yêu quê hương một cách tự nhiên.

Đối với các giáo viên tiểu học

Chuyển đổi vai trò sư phạm, xem mình là người làm gương, người truyền cảm hứng và người tổ chức trải nghiệm hơn là một người dạy kiến thức. Chủ động tìm tòi các câu chuyện, trò chơi dân gian, các bài hát địa phương để làm phong phú bài giảng.

Tận dụng sức mạnh của cộng đồng bằng việc mạnh dạn mời phụ huynh, người cao tuổi trong khu phố đến lớp để chia sẻ câu chuyện, kinh nghiệm sống; Hợp tác với đồng nghiệp để xây dựng các dự án liên môn xoay quanh một giá trị hoặc một nét văn hóa địa phương, biến cả cộng đồng thành một lớp học lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abdullah, Anzar, Andi Tenri Illah, and M. Nasir. (2022). The Implementation of Character Education Based on Bugis Local Wisdom in Social Science Subjects. *Al-Musannif* 4 (1), 57-68. <https://doi.org/10.56324/al-musannif.v4i1.65>.
2. Anh Tú (2025). *Thiếu giáo viên chuyên trách là thách thức lớn khi dạy nội dung GD địa phương*. Truy cập ngày 30 tháng 6, 2025, từ <https://giaoduc.net.vn/thieu-giao-vien-chuyen-trach-la-thach-thuc-lon-khi-day-noi-dung-gd-dia-phuong-post248549.gd>
3. Ardoin, N. M. (2006). Toward an Interdisciplinary Understanding of Place: Lessons for Environmental Education. *Canadian Journal of Environmental Education*, 11(1), 112-126. <https://cjee.lakeheadu.ca/article/view/508>
4. Badeni, & Saparahayuningsih, S. (2024). The Implementation of Local Wisdom-Based Character Education in Elementary School. *Journal of Educational Issues*, 9(2), 1-14. <https://doi.org/10.5296/jei.v9i2.20768>
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*. <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-32-2018-tt-bgdtt-ban-hanh-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-moi-169745-d1.html>
6. Bowen, G.A. (2009). Document Analysis as a Qualitative Research Method. *Qualitative Research Journal*, 9 (2), 27-40. <https://doi.org/10.3316/QRJ0902027>
7. Đào Thái Lai. (2021). *Những vấn đề cơ bản về nội dung giáo dục địa phương cấp tiểu học tỉnh Điện Biên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông....* Truy cập ngày 30 tháng 6, 2025, từ <https://dienbien.edu.vn/giao-duc-mam-non/nhung-van-de-co-ban-ve-noi-dung-giao-duc-dia-phuong-cap-tieu-hoc-tinh-dien-bien-dap-ung-yeu-cau-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-ban-hanh-kem-theo-thong-tu-so-32-tt-bgdtt-ngay-26-12-2018-cua-bo-giao-duc-va-dao-tao-5241.html>
8. Gruenewald, D. A. (2003). The best of both worlds: A critical pedagogy of place. *Educational Researcher*, 32(4), 3-12. <https://doi.org/10.3102/0013189X032004003>
9. Jundiani (2018). *Local Wisdom in the Environmental Protection and Management*. PT. Wahana Hijau Lestari.
10. Naryatmojo, D. L. (2019). Internalization the Concept of Local Wisdom for Students in the Listening Class. *Arab World English Journal*, 10 (1) 382. <https://dx.doi.org/10.24093/awej/vol10no1.31>
11. Nchaga A. M. (2025). Exploring Community-Based Learning: Opportunities and Challenges. *Research Output Journal of Arts and Management* 4(1):46-52. <https://doi.org/10.59298/ROJAM/2025/414652>
12. Nguyễn Minh (2024). *Triển khai Chương trình GDPT 2018: Vai trò của nội dung Giáo dục địa phương trong phát huy bản sắc dân tộc*. Truy cập ngày 30 tháng 6, 2025, từ <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/88642/212/trien-khai-chuong-trinh-gdpt-2018-vai-tro-cua-noi-dung-giao-duc-dia-phuong-trong-phat-huy-ban-sac-dan-toc/>

13. Nguyễn Văn Lực (2022). *Còn nhiều vướng mắc khi triển khai nội dung giáo dục địa phương*. <https://laodong.vn/giao-duc/con-nhieu-vuong-mac-khi-trien-khai-noi-dung-giao-duc-dia-phuong-1125382.lido>
14. Rahmawati, N., Syukur, F., & Darmu'in, D. (2023). Local Wisdom-Based Character Building Empowerment at Junior High Schools. *Al-Ishlah: Jurnal Pendidikan*, 15(3), 3892-3905. <https://doi.org/10.35445/alishlah.v15i3.3207>
15. Rihoux, Benoit & Ragin, Charles C. (2008). *Configurational Comparative Methods: Qualitative Comparative Analysis (QCA) and Related Techniques*. London and Thousand Oaks, CA: Sage.
16. Smith, G. A., & Sobel, D. (2010). *Place- and community-based education in schools*. First edition. Routledge.
17. Sugiyo R., Purwastuti L. A. (2017). Local Wisdom-Based Character Education Model in Elementary School in Bantul Yogyakarta Indonesia. *Sino-US English Teaching*, 14 (5), 299-308 <http://doi.org/10.17265/1539-8072/2017.05.003>
18. Suzie Boss. (2024). *Using place-based learning to spark inquiry*. Truy cập ngày 30 tháng 6, 2025, từ <https://www.edutopia.org/article/strategies-teaching-place-based-learning>
19. Trần Phương (2023). *Ý nghĩa từ bộ môn giáo dục địa phương trong chương trình GD 2018*. Truy cập ngày 30 tháng 6, 2025, từ <http://baothang2.edu.vn/hoat-dong/sinh-hoat-club-nang-khieu/em-yeu-van-hoc/y-nghia-tu-bo-mon-giao-duc-dia-phuong-trong-chuong-trinh-gd-2018.html>

LOCAL EDUCATION: AN ANALYSIS OF VIETNAM'S APPROACH IN A GLOBAL CONTEXT AND IMPLICATIONS FOR THE PRIMARY LEVEL

Abstract: *Amid the global challenges of cultural identity erosion and the degradation of moral values, educational paradigms that return to indigenous roots are receiving heightened scholarly and practical attention. This paper examines the Local Education component of Vietnam's 2018 General Education Curriculum from the perspective of Local-Wisdom-Based Character Education (LWBCE), an approach dedicated to nurturing moral virtues through the transmission of local cultural values. Through a qualitative analysis of policy documents, this paper contends that the foundational philosophy and aims of Vietnam's Local Education, which underscore the “cultivation of homeland affinity,” the “conservation of cultural heritage,” and the formation of core competencies are profoundly consonant with the principles of LWBCE. Furthermore, the analysis is extended through a comparison with broader pedagogical philosophies, namely Place-Based Education (PBE) and Community-Based Learning (CBL), to delineate the distinctive stance of the Vietnamese model. The results reveal that whereas PBE and CBL leverage “place” primarily as a context for interdisciplinary skill acquisition, Vietnam's Local Education is distinctly oriented towards harnessing “local wisdom” for the explicit purpose of character building. Nevertheless, the on-the-ground implementation of this curriculum is confronted with substantial obstacles related to pedagogy, teacher competencies, and resource allocation. Drawing from these findings, the paper concludes with policy implications and multi-level recommendations aimed at augmenting the efficacy of Local Education in realizing its fundamental mission within primary education.*

Keywords: *The 2018 general education program; local education; place-based education; character education; primary education; local wisdom.*